

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CIENCO4 –
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM CIENCO4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 82 /CV-TTNC4

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH
XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Hà Nội *20/10/26
16h30*

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (TNCNXD)

Tên tổ chức hoạt động TNCNXD: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CIENCO4 – TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM CIENCO4

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số: 2900324850-013 đăng ký lần đầu ngày 15/04/2025, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 03/09/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính TP Hà Nội cấp.

Địa chỉ: Số 19, ngõ 1043 đường Giải Phóng, phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0374540393

Email: ttn.cienco4@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng LAS-XD 24.135

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 19, ngõ 1043 đường Giải Phóng, phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023 ASTM C188, C184, C204, AASHTO T133, T153, T192;	- Sàng kích thước 0.09mm - Đồng hồ bấm giây	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường

nh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		BS EN 196-6;	- Cân kỹ thuật 0,01g, tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả,...	Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
2.	Xác định cường độ uốn, cường độ nén	TCVN 6016:2011 ; ASTM C109, C348, C349; AASHTO T 106; BSEN 196-1;	- Máy trộn, khuôn (4x4x16cm) - Máy dẫn tạo mẫu - Máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400±200N/s), gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén.	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 10653:2015; ASTM C 191,0187; AASHTO T131, T129; BS EN 196-3;	- Dụng cụ Vicat, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng lược mẫu, khuôn Le chatelier.	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
4.	Xác định giới hạn bền theo phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982; ASTM C39	- Bể ổn nhiệt, có thể gia nhiệt tới 100 độ C. - Máy trộn, khuôn (4x4x16cm) - Máy dẫn tạo mẫu - Máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400±200N/s), gá	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			định vị thử uốn, gá thử cường độ nén.	
5.	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN141:2023; ASTM C150 ; ISO 29581; ASTM C114	Sàng 0,09mm, cân kỹ thuật, tủ nung	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
II	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
6.	Lấy mẫu bê tông và bảo dưỡng, chế tạo mẫu thử	TCVN 3105:2022	Khuôn; Bàn dằn, que đầm, bẻ ngâm mẫu	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
7.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143 ; AASHTO T119; BS EN 12350-2;	- Côn thử độ sụt, - Que chọc, bay - Phễu đổ hỗn hợp - Thước lá kim loại có vạch chia, ...	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
8.	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022; ASTM C1170; BS EN 12350-3	- Bộ dụng cụ thí nghiệm Vebe	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
9.	Xác định khối lượng	TCVN 3108:1993;	- Cân kỹ thuật (50g),	Nguyễn Khắc Hải

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	thể tích hỗn hợp bê tông	ASTM C138; AASHTO T121 ; BS EN 12350-6;	- Thước lá kim loại, - Cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g - Bếp điện - Thùng nấu paraffin, - Tủ sấy 200 ⁰ C.	Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
10.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232; AASHTO T158; BS EN 12350-4, EN 480-4;	Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm; Bàn rung tần số 2900 ÷ 3000 vòng phút, biên độ 0,5 ± 0,01mm; Thanh thép tròn đường kính 16mm, dài 600mm, hai đầu múp tròn; Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 50g; Sàng kích thước mắt 5mm. Thước lá kim loại, Khay sắt, Tủ sấy 200 ⁰ C	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
11.	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993; GOST 12370.0-2020	-Cân kỹ thuật 50kg, - Bộ sàng cát 5; 1,2mm; 0,15mm - Tủ sấy 200 ⁰ C - Khay sấy, bay, xẻng để xúc hỗn hợp bê tông	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
12.	Phương pháp áp suất xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022; ASTM C231/C231M-17a	- Bộ dụng cụ thử bọt khí của bê tông	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
13.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C642 BS EN 12390-7	- Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác 100ml có nút thủy tinh ống dẫn mao quản, - Cân phân tích chính xác(0,01g), - Búa con, cối chày đồng, - Bình hút ẩm, - Tủ sấy 200⁰C, - Sàng 2 hoặc 2,5mm, - Nước lọc, dầu hoả, cồn 90⁰.	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
14.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; GOST 12370.0-2020	- Cân kỹ thuật chính xác (5g). - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy 200⁰C, - Khăn lau mẫu	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
15.	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022; ASTM C779	Máy mài, cân, thước kẹp, cát mài	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
16.	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022	- Cân kỹ thuật (50g), - Thước lá kim loại,	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			- Cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g - Bếp điện - Thùng nấu paraffin, tủ sấy 200⁰C	Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
17.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022; TCVN 8219-2009; ASTM C1585-13	- Máy thử độ chống thấm, Paraffin, tủ sấy, giá ép mẫu	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
18.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 1318:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T24, T140 ; BS EN 12390-3, 12504-1 ; AS 1012.9	- Máy nén 150-200 tấn (6±4 daN/cm²-s), - Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
19.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; ASTM C293, C78 ; AASHTO T97,T177; BS EN 12390-5	- Máy thử uốn 50 tấn (0,6±0,4 daN/cm²-s), - Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm - Thước lá kim loại	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
20.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022; ASTM C496; AASHTO T198; BS EN 12390-6;	Gối truyền tải, đệm gỗ	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
21.	Xác định cường độ lắng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C469;	Máy nén, biến dạng kế, thước lá kim loại	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
22.	Xác định thời gian bắt đầu và kết thúc ninh kết của bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403 ; AASHTO T197	Bộ kim xuyên và Lực kế	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
23.	Xác định độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông tự chèn	TCVN 12209:2018; ASTM C1611; BS EN 12350-5;	Bàn xòe, côn sụt, thước lá,....	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
24.	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011 ASTM C496/C496M	Bộ ép chế	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
25.	Xác định nhiệt độ	TCVN 9340:2012;	Nhiệt kế	Nguyễn Khắc Hải

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	của hỗn hợp Bê tông	ASTM C1064; AASHTO T309		Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
26.	Thí nghiệm cường độ bê tông bằng súng bột nẩy	TCVN 9335 : 2012	Thiết bị kiểm tra cường độ bê tông Model: HT225A	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Trần Danh Đức Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn
III	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
27.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; TCVN 9205:2012 AASHTO T27-2016 ; ASTM C136	Cân kỹ thuật (0.01g), bộ sàng tiêu chuẩn và tấm đục lỗ 90,100,110,120mm , tủ sấy Cân thủy tĩnh, bình khối lượng riêng,...	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
28.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 ; ASTM C127, C128 ; AASHTO T84,T85 ; BS EN 1097-6,7	Phễu xác định độ xốp, thùng đong Cân, tủ sấy, khay sấy,... Thùng rửa cát, đá	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
29.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt	TCVN 7572-5:2006 ; ASTM C142, C117; AASHTO T11,	Bảng màu chuẩn, hóa chất NaOH, chai phản ứng Máy nén, máy cắt	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	liệu lớn	T112; BS EN 933-1;	gia công mẫu Bộ dụng cụ nén dập xy lanh D 75mm và 150mm, máy nén	Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
30.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng, độ lèn chặt	TCVN 7572-6:2006 ; AASHTO - T19; ASTM C29; BS EN 1097-3,4;	Máy mài mòn Los Angeles Thước kẹp cải tiến,... Kim sắt , kim nhôm	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
31.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; TCVN 10321:2014; ASTM C566; AASHTO T255; BS EN 1097-5;	Bộ ống xyphong, máy lắc, hóa chất Bộ xác định đương lượng cát Bộ xác định góc cạnh của cốt liệu thô	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
32.	Xác định hàm lượng bùn. Bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; TCVN 9205:2012; ASTM C142, C117; AASHTO T11, T112; BS EN 933-1;		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
33.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 ; ASTM C40; AASHTO T21		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh

Handwritten signature

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
34.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ; ASTM D2938;C170;		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
35.	Xác định độ nén dập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006 ; BS 812:Part 110, Part 111		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
36.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (los Angeles)	TCVN 7572-12:2006 ; ASTM C131,C535 ; AASHTO T96		Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
37.	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ; ASTM D4791; EN 933-3		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
38.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:2006 ; ASTM C142; AASHTO T112;		Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Trần Quốc Khánh
39.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18 :2006 ; ASTM D5821		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
40.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572- 20 : 2006; ASTM C33		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
41.	PP xác định góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012 ; ISO 8724:2009		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
42.	Xác định hệ số ES	ASTM D2419 ; AASHTO T176; BS EN 933 - 8		
43.	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô (BTN nhựa)	TCVN 11807:17; AASHTO T326		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
IV	BỘT KHOÁNG			
44.	Phương pháp xác định thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước của bột khoáng sử dụng trong các loại hỗn hợp đá trộn nhựa	TCVN 12884-2:2020; AASHTO T37; <u>ASTM C566</u> , AASHTO T255	Cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, lò nung, bình tỷ trọng, bình đong, bình hút ẩm, máy hút chân không, khuôn,...	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
45.	Xác định lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, hệ số hao nước, độ rỗng dư, độ trương nở, chỉ số về hàm lượng nhựa, độ ổn định của bột khoáng và nhựa sau khi ngâm nước của hỗn hợp bột khoáng và nhựa, hàm lượng chất hòa tan trong nước của bột khoáng	22TCN 58-1984; ASTM C188 , AASHTO T133 ; ASTM C40, AASHTO T21	Cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, lò nung, bình tỷ trọng, bình đong, bình hút ẩm, máy hút chân không, khuôn,...	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
46.	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012; ASTM D4318; AASHTO T89,T90; BS1377:Part2	Cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, lò nung, bình tỷ trọng, bình đong, bình hút ẩm, máy hút chân không, khuôn,...	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
V	ĐẤT TRONG PHÒNG			
47.	Xác định Khối lượng	TCVN 4195:2012; ASTM D854;	- Dầu hoả, - Bơm chân không	Nguyễn Khắc Hải

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	riêng	AASHTO T100	(có cả bình hút chân không), - Cân kỹ thuật (0,01g), - Bình tỷ trọng (100cm ³), - Cối chà sứ (đồng), - Rây 2mm, - Bếp cát, - Tủ sấy (t ₀), - Tỷ trọng kế, - Thiết bị ổn nhiệt, - Cốc nhỏ hộp nhôm có nắp	Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
48.	Xác định Độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216, D4959, D4643; AASHTO T265	- Tủ sấy (t ₀) đến 3000C, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Rây (1mm), - Cối và chà sứ có đầu bọc cao su, - Khay men phơi đất - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cân phân tích (0,001g), - Rây 0,5mm, - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t ₀).	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
49.	Xác định Giới hạn	TCVN 4197:2012;	- Các tấm kính nhám,	Nguyễn Khắc Hải

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	dẻo và giới hạn chảy	ASTM D4318; AASHTO T89, T90; BS 1377:Part2	- Rây (1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Bình thủy tinh có nắp, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t0), - Bát sắt tráng men, - Dao để trộn - Dụng cụ Casagrande	Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
50.	Xác định Thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; ASTM D1140, D422;	- Cân kỹ thuật (0,01g), - Bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Tủ sấy (t0), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Quả lê bằng cao su, - Dao con, Cân (1g), - Máy sàng lắc, - Cân phân tích, - Tỷ trọng kế (vạch 0,001), - Bộ phận đun và làm lạnh, - Bình đong (1000cm³, f 60±2mm), - Nhiệt kế (0,50C), - Que khuấy, - Đồng hồ bấm, - Máy rửa, - Ống hút (5cm³ và 50cm³),	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			- Thước thẳng 20cm.	
51.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở không	TCVN 9438 : 2012; ASTM D2166 ; AASHTO T208	Máy nén 1 trục có nở hông, dụng cụ lấy mẫu đất, tủ sấy, cân kỹ thuật.	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
52.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; ASTM D1557, D698; AASHTO T180, T99 ; BS 1377-Part 4	- Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Sàng (19 mm, 5mm), - Bình phun nước, - Tủ sấy (t0), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Hộp nhôm (cốc thủy tinh có nắp), - Dao gọt đất, - Vò đập đất, - khay (40x60cm), - Vải phủ, cối sứ, chày bọc cao su.	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
53.	Xác định Khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 ; ASTM D7263	Dao vòng bằng kim loại - Thước cặp, - Dao cắt có lưỡi thẳng, - Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g), - Các tấm kính, - Dụng cụ xác định độ ẩm,	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			- Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, - Tủ sấy (t₀), - Bình hút ẩm	
54.	Xác định Hệ số thấm của đất	TCVN8723:2012; ASTM D2434; AASHTO T215	Bộ thấm đất cột nước không đổi - Bộ thấm đất cột nước thay đổi - Bảng cấp nước cho bộ thấm - Bình chứa nước	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
55.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng	TCVN 12792 :2020 ASTM D1883; AASHTO T 193	Máy nén CBR, - Cối đầm loại to (D=152,4 mm), - Chày đầm tiêu chuẩn, - Chày đầm cải tiến, - Cối CBR, - Tấm đệm, - Tấm đo - Trương nở, - Đồng hồ đo trương nở, - Giá đỡ thiên phân kế,	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
56.	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012 ; ASTM D4546 ; ASTM D4829.	Thiết bị trương nở Tam Liên, dao vòng, xốp thấm, nước, đồng hồ bấm giây	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
57.	Gia cố nền đất yếu – phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403 : 2012 ; ASTM D1633 ; ASTM D2166	Máy nén; khuôn đúc mẫu	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
58.	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8724:2012. AASHTO T267-2004. ASTM D2974		Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
59.	Phương pháp thí nghiệm xác định tổng lượng muối dễ hòa tan trong đất	Phụ lục D TCVN 9436:2012 ; TCVN 8727:2012		Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
60.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199-1995; ASTM D3080 ; AASHTO T236; BS 1377 : Part 2	Máy cắt phẳng	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
VI	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG			
61.	Thử kéo	TCVN 197-2014 ; ASTM A370, B557 AASHTO T68 ; BS EN 10002; JIS Z2241	Máy uốn kéo nén vạn năng, thước lá kim loại, dụng cụ khắc vạch, máy cắt gia công mẫu, cân	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			kỹ thuật Bộ gồi uốn các cỡ, kính lúp, đồng hồ biến dạng, kích thủy lực,....	Thái Văn Thanh
62.	Thử uốn	TCVN 198:2008 TCVN 7937-2:2013; ASTM A370; JIS Z2248		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
63.	Thử kéo bulông - Đai ốc	TCVN 1916:1995; ASTM F606;ASTM E488-18; ASTM A370; JIS B1186		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
64.	Thử kéo tĩnh mối nối bằng ống ren	TCVN 13711-2:2023 ; ISO 15835-1:2018		Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
65.	Ống thép – Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; TCVN 9245:2024; ASTM A370		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
VII	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG			
66.	Xác định kích thước	TCVN 3121-1:2022;	Bộ sàng tiêu	Văn Đình Dương

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	hạt cốt liệu lớn nhất	ASTM C807, C953, C1437; BSEN 1015	chuẩn có kích thước lỗ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm, 0,14mm (TCVN 342 : 1986)	Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
67.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C807, C953, C1437; BSEN 1015	và sàng có kích thước lỗ 0,08mm; - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; - Tủ sấy điện có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ ở 1050C + 50C và 600C .	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
68.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022; ASTM C807, C953, C1437; BSEN 1015	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; - bàn dẫn vữa, thước kẹp	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
69.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022; ASTM C807, C953, C1437; BSEN 1015	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít, đường kính trong	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
70.	Xác định khả năng thời gian bắt đầu đông kết của vữa	TCVN 3121-9:2022; EN 1015-9	Máy hút chân không, đồng hồ đo áp lực chân không, bình chứa 1 lít - Máy thử uốn, có khả năng chất tải	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			đến 5 KN	Trần Quốc Khánh
71.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022 ; ASTM C109, C348, C349, C942, C1403, C1583; BS EN 1015;	- Máy thử nén máy nén có khả năng tạo lực nén đến 100 KN Tấm nén phải đảm bảo phẳng, khe hở bề mặt giữa 2 tấm nén không lớn hơn 0,01mm; Máy trộn vữa, bộ kim xuyên và lực kế Máy đo hàm lượng bột khí,...	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
72.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022 ; ASTM C109, C348, C349, C942, C1403, C1583; BS EN 1015;		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
73.	Xác định hệ số hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022 ; ASTM C109, C348, C349, C942, C1403, C1583; BS EN 1015;		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
74.	Xác định độ chảy của vữa	TCVN 9204-2012; ASTM c827, c 1090		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
75.	Xác định độ tách nước	TCVN 9204-2012; ASTM c827, c 1090		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Trưởng Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
76.	Xác định sự thay đổi chiều dài vữa đã đông rắn (độ co, nở)	TCVN 9204 :2012; ASTM c827, c 1090		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
77.	Vữa xi măng trộn sẵn không co – Thay đổi chiều cao cột vữa	TCVN 9204-2012 ; ASTM C1107/C1107M; ASTM C109; ASTM C230; ASTM C157 ;ASTM C490		Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
78.	Vữa xi măng trộn sẵn không co – Xác định thời gian ninh kết của vữa	TCVN 8875-2012 ; ASTM C807-08		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
79.	Hàm lượng khí của vữa xi măng	TCVN 8876 :2012 ; ASTM C185 - 08		Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
VIII	BÊ TÔNG NHỰA			
80.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D1559; D6927; AASHTO T245	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn, tủ sấy, nhiệt kế 2500C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
81.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172; AASHTO T164, TP53 ; BS EN 12697 -1		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
82.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 ; ASTM C136; AASHTO T30		Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
83.	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041 ; AASHTO T209; BS EN 12697 - 5		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
84.	Xác định tỉ trọng lớn	TCVN 8860-		Văn Đình Dương

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	5:2011; ASTM D2726; AASHTO T166		Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
85.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011 ; AASHTO T230; TCVN 13567:2022		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
86.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011 ; AASHTO T304		Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
87.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011 ; AASHTO T230; TCVN 13567:2022		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
88.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; ASTM D3203; AASHTO T269		Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Trần Quốc Khánh
89.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011; ASTM D3203; AASHTO T269		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
90.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011; ASTM D3203 / D3203M		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
91.	Xác định độ thấm nước của BTN	TCVN 11634-1:2017; ASTM PS129; BSEN 12697-19		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
92.	Cường độ chịu nén của hỗn hợp BTN	AASHTO T167:2019; 22TCN 62:84;		Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
93.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông	TCVN 8860-12:2011; ASTM		Nguyễn Khắc Hải

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	nhựa	D1075; AASHTO T165		Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
94.	Xác định vật liệu nhỏ hơn sàng 0,075mm	TCVN 14135-4:2024; AASHTO T 11-2022		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
IX	NHỰA BI TUM, NHỮ TƯƠNG, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG			
95.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5 ; AASHTO T49; EN 1426	Thiết bị xác định độ kim lún nhựa đường, cốc mẫu, bể ổn nhiệt	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
96.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36; AASHTO T53	Cốc chứa chịu nhiệt, giá đỡ vòng bi, bi, nhiệt kế, bếp gia nhiệt có khuấy,...	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
97.	Chỉ số độ kim lún (PI)	Mục A2 TCVN 13567-1:2022;	Thiết bị xác định độ kim lún nhựa đường, cốc mẫu, bể	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Ổn nhiệt	Trưởng Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
98.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D113; AASHTO T51	Thiết bị xác định độ kéo dài Max: 1,5m/0,1mm, khuôn mẫu số 8, bộ điều nhiệt	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
99.	Xác định độ đàn hồi của nhựa Polime	TCVN 11194:2017; ASTM D6084	Khuôn dẫn dài Dụng cụ gia nhiệt; tủ sấy hoặc tấm nung nóng, gia nhiệt bằng điện hoặc ga, sử dụng để làm chảy mềm vật liệu nhựa đường. Cốc chứa mẫu: bằng kim loại thích hợp dùng để chứa nhựa đường khi làm mềm. Bể ổn nhiệt: Phù hợp với quy định tại TCVN 7496:2005 (ASTM D113-99).	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
100.	Xác định độ hòa tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2023 ; ASTM D2042; AASHTO T44	Cốc lọc gốc, bình hút chân không, bơm hút chân không,... Bình	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Pycnometer,....	Trần Quốc Khánh
101.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; ASTMD70 ; AASHTO T228	Máy đo độ nhớt tiêu chuẩn Cốc thủy tinh chịu nhiệt, giá treo mẫu, bếp gia nhiệt,...	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
102.	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625, D2489; AASHTO T182, T195	Bình thủy tinh, bền nhiệt, dung tích 1 000 ml - 2 000 ml Nước cất Bếp ga Nhiệt kế	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
103.	Xác định độ ổn định lưu trữ của nhựa đường polime	TCVN 11195:2017; ASTM D7173; EN 13399	Tủ sấy: có khả năng duy trì nhiệt độ ở $(163 \pm 5) ^\circ\text{C}$. Thiết bị làm lạnh: có khả năng duy trì nhiệt độ đến $(-7 \pm 5) ^\circ\text{C}$. Giá đỡ: có khả năng giữ ống nhôm Dao cắt và búa: dao cắt phải cứng và sắc để có thể cắt ống nhôm chứa mẫu ở nhiệt độ thấp. Cân: Có khả năng cân được 1000 g với độ chính xác $\pm 0,1$	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
104.	Hàm lượng nước của nhựa lỏng	TCVN 8818-3:2011; ASTM D95;	Bộ chứng cất nhũ tương nhựa đường	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		AASHTO T55		Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
105.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011; ASTM D6937; AASHTO T59	Máy kiểm tra điện tích hạt của nhũ tương nhựa đường	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
106.	Xác định tỷ trọng khối của hỗn hợp bê tông nhựa đã đầm nén sử dụng bọc Parafin	TCVN 8860-5:2011; AASHTO T275-91: 2005	Cốc lọc gốc, bình hút chân không, bơm hút chân không,... Bình Pycnometer,... Máy đo độ nhớt tiêu chuẩn Cốc thủy tinh chịu nhiệt, giá treo mẫu, bếp gia nhiệt,...	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
X	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH			
107.	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009; BS EN 772-16; ASTM C67 / C67M	Máy nén, thước đo, bay chải, máy cưa Máy uốn, gỏi uốn, tấm kính, thước thép, bay chải Cân kỹ thuật, thước đo, thùng ngâm	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
108.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009; ASTM C67 / ASTM C67M; EN 772-1	Cân kỹ thuật, thước đo, tủ sấy, thiết bị	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			mài mòn	Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
109.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009; ASTM C67; AASHTO T32		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
110.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009 ; ASTM C67; AASHTO T32		Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
111.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009 ;ASTM C67; AASHTO T32		Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
112.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009; ASTM C67		Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đình Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
XI	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
113.	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đài	TCVN 12791:2020; ASTM D1556	Cân kỹ thuật (1g), 5kg (5g), 10kg (10g), 100kg (100g) - Sàng mắt vuông kích thước: 0,3; 0,6; 1,18; 2; 2,36; 4,75; 5; 19; 20; 60mm - Dao đài, khâu, búa, thùng đào lấy mẫu, dao cắt mẫu, tấm kính 2 tấm, hộp đựng mẫu, chổi lông, vòng chắn bằng thép, xô, chậu, cùn công nghiệp 900	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
114.	Đất xây dựng công trình thủy lợi – phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012; ASTM D2937; ASTM D1556; AASHTO T191; AASHTO T204	Bộ cối chày đầm Proctor , xác định gama , bộ đo K, bép ga, cân kỹ thuật, dao vòng	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
115.	Đất xây dựng công trình thủy lợi – phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012; ASTM D2216; ASTM D4959	Bộ cối chày đầm Proctor , xác định gama , bộ đo K, bép ga, cân kỹ thuật	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
116.	Đất xây dựng công trình thủy lợi –	TCVN 8730:2012; ASTM D1556 /	Bộ cối chày đầm Proctor , xác định gama , bộ đo K,	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	ASTM D1556M; AASHTO T191	bếp ga, cân kỹ thuật	Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
117.	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, xác định độ chặt nền móng đường bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; ASTM D1556 / ASTM D1556M; AASHTO T191	Bộ phễu rót cát, đỉnh, đục, búa đỉnh, chổi lông, côn 900 - Cát tiêu chuẩn, pipet, nước sạch, nilon - Thước kẹp, thước gạt, thước nivo - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bơm hút nước -Cân kỹ thuật 30kg	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
118.	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m Xác định độ bằng phẳng bằng	TCVN 8864:2011; ASTM E1082	Thước 3m gấp, nệm có chiều dày 3, 5, 7, 10, 15 mm	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
119.	Xác định môđun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D1195; AASHTO T221	Tấm ép cứng chuyên dụng, kích (dầm khung ép), lực kế	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
120.	Xác định môđun đàn hồi chung của kết cấu áo đường bằng	TCVN 8867:2011; ASTM D4685, D4695 ; AASHTO	Cần Benkelman, đồng hồ so	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	cần benkenman	T256		Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
121.	Thí nghiệm nén tải trọng tĩnh bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D4395	Tấm nén Kích thủy lực Dầm định vị dọc Các cọc neo vít	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
122.	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:11; ASTM D4429	Thiết bị kiểm tra CBR tại hiện trường	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
123.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965	Cát chuẩn, dụng cụ rắc cát	Nguyễn Quế Mạn Ngô Xuân Biên Đinh Anh Tuấn Đặng Bá Toàn Trần Quốc Khánh
124.	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lăn Anh	TCVN 10271 : 2014; ASTM E303- 22; BS EN 13036-4	Dụng cụ con lăn Anh	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
125.	Cọc – Phương pháp	TCVN9393:2012;	Kích thủy lực có gắn đồng hồ lực,	Hoàng Văn Thám

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	ASTM D1143, D3689	khung dầm chất tải, bách phân kế,...	Trần Xuân Trường Ngô Xuân Biên
126.	Phương pháp xác định sức chống cắt của đất hạt mịn mềm yếu bằng thí nghiệm cắt cánh ở trong phòng	TCVN 8725:2012 ; ASTM D4648 / ASTM D4648M	Máy cắt cánh, đồng hồ, cần, lưỡi cắt	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
127.	Xác định hệ số thấm nước của đất tại hiện trường	TCVN 8731:2024; ASTM D6391; BS 1377-9	Vòng chấn hình trụ, thùng đo cấp nước, phao nổi, đồng hồ bấm giây, chỉ giờ, thước đo, nhiệt kế chia độ	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
128.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1586 AASHTO T206	Bộ xuyên tiêu chuẩn SPT	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
XII	SƠN KẼ ĐƯỜNG			
129.	Thí nghiệm đo độ dày lớp phủ bề mặt vật liệu	TCVN 5408 : 2007 / ISO : 01461: 1999	Thiết bị đo chiều dày sơn kẻ đường	Hoàng Văn Thám Trần Xuân Trường Văn Đình Dương Ngô Xuân Biên

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
130.	Màu vạch sơn tín hiệu	TCVN 2102; ASTM D6628-03	Máy đo màu và phân tích cầm tay CS DS-200	Hoàng Văn Thám Trần Xuân Trường Ngô Xuân Biên Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc
131.	Độ chống loang màu, độ phản quang, độ sáng, độ mài mòn	TCVN 8786: 2011 TCVN 8787: 2011	Thiết bị kiểm tra và xác định độ phản quang của vạch sơn Thiết bị kiểm tra độ bền mài mòn của sơn HS-TABER (LA-V)	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh
132.	Độ dính bám	ASTM D4541	Máy kéo thử cường độ bám dính	Văn Đình Dương Nguyễn Quế Mạn Phan Trọng Đắc Đặng Bá Toàn Thái Văn Thanh
XIII	THỬ NGHIỆM BENTONITE			
133.	Thí nghiệm Bentonite, Polymer: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định, lượng mất nước, độ ẩm	TCVN 9395:12; TCVN 11893:17; TCVN 11893:2017; ASTM D4380, D6910, D4381, D5891; D4972; APIRP 13B	Cân tỷ trọng (Hộp cân, quả cân, thang đo, bầu chứa bentonite, nắp đậy) Phễu côn 1500ml, đồng hồ bấm giờ, ca chia vạch 100ml, giá đỡ kim loại Phễu côn, lưới rây, Bình đo bằng thủy tinh, bình chứa nước sạch	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Thang màu chuẩn, Giấy quỳ Bộ thí nghiệm lực cắt tĩnh, bộ thí nghiệm lượng mất nước và độ dày áo sét	
XIV	CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA ĐẤT ĐÁ GIA CỐ CHẤT KẾT DÍNH			
134.	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013; AASHTO T307; ASTM D7012 / ASTM C469	Thí nghiệm bàn nén Thiết bị nén CBR nở hông,... Máy nén có đủ khả năng truyền tải trọng đến phá hoại mẫu, có đồng hồ đo lực Tấm đệm truyền tải trọng bằng thép Cối Proctor cải tiến, khuôn,...	Nguyễn Khắc Hải Trần Xuân Trường Trần Danh Đức Hoàng Văn Thám Trần Quốc Khánh

3. Cam kết

Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn Cienco4 – Trung tâm thí nghiệm Cienco4 cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố và cập nhật khi có thay đổi theo quy định./.


Nguyễn Trung Lương

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHÍNH VÀ THÍ NGHIỆM VIÊN

1. Danh mục thiết bị thí nghiệm chính

STT	Loại thiết bị	Ghi chú
1	Bộ tỷ điện xi măng DBT-127	
2	Áp kế máy thử thấm bê tông	
3	Máy thử độ bền nén TYA - 300	
4	Máy thử độ bền nén TYA - 2000	
5	Máy mài mòn sâu TA-75	
6	Tủ dưỡng hộ xi măng	
7	Máy thử mài mòn Los Angeles	
8	Lò nung	
9	Bình thử bọt khí CA-3	
10	Thiết bị đo giãn dài nhựa đường SLY -1.5	
11	Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường SZR-3	
12	Máy đầm Marshall MZ-IJ	
13	Máy dần tạo mẫu vữa xi măng ZS-15	
14	Máy thử độ bền kéo nén uốn WA-1000B	
15	Vòng đo lực 50kN	
16	Kích thủy lực	
17	Kích đo E - Kích 32 Tấn	
18	Dụng cụ vicat	
19	Máy trộn vữa xi măng JJ-5	
20	Thiết bị đo cường độ mặt đường Benkelman	
21	Áp kế (Máy hút chân không)	
22	Áp kế (Máy hút chân không)	
23	Thiết bị VEBE	

STT	Loại thiết bị	Ghi chú
24	Máy chiết nhựa ly tâm DCL-III	
25	Máy thử độ bền nén LW-50	
26	Máy cắt phẳng ZJ	
27	Đồng hồ so	
28	Nhiệt kế điện tử TM-905A	
29	Cân điện tử GS3202N	
30	Thùng trộn bê tông nhựa nóng LHBH-20	
31	Cân đĩa điện tử 15kg ALC-15A	
32	Gông từ kiểm tra khuyết tật mối hàn Y-2	
33	Máy kiểm tra độ mài mòn TA-30	
34	Bộ đo và điều khiển nhiệt độ tủ sấy 101-1A	
35	Đồng hồ so	
36	Thiết bị đo sức kháng trượt và độ ma sát mặt đường BM-III (con lắc Anh)	
37	Dụng cụ xác định lực cắt tĩnh của Bentonite (MK-QL)	
38	Nhiệt kế điện tử TM-905A	
39	Máy đo pH (HI98107)	
40	Máy đo pH (HI98107)	
41	Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường	
42	Thiết bị đo độ hóa mềm	
43	Máy thử độ bền nén LW50	
44	Cân điện tử GF-A	
45	Thiết bị đo chiều dày sơn kẻ đường STT-950	
46	Máy đo màu và phân tích cầm tay CS DS-200	
47	Thiết bị kiểm tra và xác định độ phản quang của vạch sơn BT-RM-001	
48	Máy kéo thử cường độ bám dính JW-FZL-M	
49	Thiết bị kiểm tra độ bền mài mòn của sơn HS-TABER (LA-V)	
50	Thiết bị kiểm tra cường độ bê tông HT225A	

2. Danh sách thí nghiệm viên

TT	Họ và tên	Ngày tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Vị trí/ chức vụ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
1	Nguyễn Khắc Hải	23/4/1972	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng CTGT; Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Viện KHCN, Chứng chỉ thí nghiệm viên của Trường ĐH GTVT TPHCM	Trưởng Phòng Thí nghiệm.	HĐLĐ số 1890/HĐLĐ-TĐ ngày 21/04/2025	
2	Trần Xuân Trường	2/1/1983	Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng Đại học Phương Đông; Chứng chỉ thí nghiệm viên của Trường ĐH GTVT TPHCM Chứng chỉ thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017	Phó phòng thí nghiệm	HĐLĐ số 1318/HĐLĐ-TĐ ngày 01/02/2026	
3	Ngô Xuân Biên	20/4/1987	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng CTGT; Chứng chỉ thí nghiệm vật liệu xây dựng trường THGTVT miền Trung Chứng chỉ thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017	Phó phòng thí nghiệm	HĐLĐ số 1897/HĐLĐ-TĐ ngày 15/04/2026	
4	Hoàng Văn Thám	29/10/1984	Cao đẳng nghề thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ Chứng chỉ thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc	Thí nghiệm viên	HĐLĐ số 1764/HĐLĐ-TĐ ngày 02/4/2026	
5	Trần Danh Đức	16/6/1992	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật GT trường ĐH CNGTVT; Chứng chỉ thí nghiệm viên của trường ĐH GTVT TPHCM	Thí nghiệm viên	HĐLĐ số 06/HĐLĐ-TĐ ngày 02/01/2026	

TT	Họ và tên	Ngày tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Vị trí/ chức vụ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
6	Đinh Anh Tuấn	2/2/2001	Bằng Trung cấp thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ; Chứng chỉ thí nghiệm viên của trường ĐH GTVT TPHCM	Thí nghiệm viên	HĐLĐ số 1317/HĐLĐ-TĐ ngày 01/02/2026	
7	Đặng Bá Toàn	10/10/1979	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật VLXD; Chứng chỉ thí nghiệm vật liệu xây dựng trường THGTVT miền Trung	Thí nghiệm viên	HĐLĐ số 1764/HĐLĐ-TĐ ngày 02/04/2026	
8	Thái Văn Thanh	16/2/1972	Thí nghiệm viên đường bộ	Thí nghiệm viên	HĐLĐ số 1896/HĐLĐ-TĐ ngày 15/04/2026	
9	Văn Đình Dương	10/5/1982	Bằng nghề thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên	HĐLĐ số 13469/HĐLĐ-TĐ ngày 10/12/2025	
10	Nguyễn Quế Mạn	18/1/1992	Chứng chỉ thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông	Thí nghiệm viên	HĐLĐ số 11133/HĐLĐ-TĐ ngày 07/05/2026	
11	Phan Trọng Đắc	19/3/2004	Thí nghiệm viên vật liệu công trình giao thông	Thí nghiệm viên	HĐLĐ số 11720/HĐLĐ-TĐ ngày 30/06/2026	
12	Trần Quốc Khánh	2/9/1962	Kỹ sư xây dựng cầu đường bộ Chứng chỉ thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông	Thí nghiệm viên	HĐLĐ số 11721/HĐLĐ-TĐ ngày 30/06/2026	

T.C.P.

2/12/24